

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ GIANG

HỆ THỐNG NHÂN VẬT VÀ THI PHÁP THỂ HIỆN  
CHÚNG TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

*Chuyên ngành:* Văn học Việt Nam  
*Mã số:* 62 22 34 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS TRẦN NHO THÌN

HÀ NỘI - 2014

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận án này là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kì công trình nào trước đó. Nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*Hà Nội, ngày ....tháng ..... năm 2014*

Tác giả Luận án

**Nguyễn Thị Giang**

## MỤC LỤC

Lời cam đoan.....	1
Mục lục.....	1
Danh mục các chữ viết tắt.....	3
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	4
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU</b> .....	16
<b>1.1. Tổng quan về lịch sử vấn đề nghiên cứu</b> .....	16
1.1.1. Lịch sử nghiên cứu về ba loại nhân vật Thiên sư, Liệt nữ, Hoàng đế trong văn học giai đoạn X-XV .....	16
1.1.2. Nghiên cứu về thi pháp tả nhân vật văn học trung đại.....	26
<b>1.2. Giới thuyết chung về vấn đề nghiên cứu</b> .....	31
1.2.1. Khái niệm hệ thống.....	32
1.2.2. Khái niệm về nhân vật .....	32
1.2.3. Nhân vật trong văn xuôi và nhân vật trong thơ.....	33
1.2.4. Khái niệm thi pháp và thi pháp học.....	34
1.2.5. Kiểu tác giả.....	36
<b>Tiểu kết chương 1</b> .....	40
<b>CHƯƠNG 2: NHÂN VẬT THIÊN SƯ</b> .....	41
<b>2.1. Mấy vấn đề về tông phái Thiên Tông</b> .....	41
2.1.1. Giới thiệu chung về Thiên Tông .....	41
2.1.2. Đường lối Thiên Tông và quan niệm về ngôn từ của Thiên Tông.....	42
2.1.3. Thiên Tông tại Việt Nam.....	44
<b>2.2. Nhân vật thiên sư Huyền Quang tự biểu hiện qua thơ thiền-kệ</b> .....	47
2.2.1. Chân dung tự họa của thiên sư Huyền Quang .....	47
2.2.2. Thi pháp miêu tả nhân vật Huyền Quang trong Thơ Thiền.....	57
<b>2.3. Nhân vật thiên sư Huyền Quang trong “Tam Tổ thực lục”</b> .....	67
2.3.1. Về văn bản Tổ gia thực lục (TGTL).....	67
2.3.2. Phân tích nhân vật thiên sư Huyền Quang qua cái nhìn của tác giả “Tam Tổ thực lục” .....	70
2.3.3. Thi pháp thể hiện nhân vật thiên sư Huyền Quang trong “Tổ gia thực lục” ....	79
<b>Tiểu kết chương 2</b> .....	85

<b>CHƯƠNG 3: NHÂN VẬT LIỆT NỮ</b> .....	87
<b>3.1. Câu chuyện về nàng liệt nữ My Ê và thực tế lịch sử</b> .....	89
3.1.1. <i>Khảo sát sự tích về My Ê</i> .....	89
3.1.2. <i>Những ghi chép của chính sử về người liệt nữ</i> .....	91
3.1.3. <i>Câu chuyện nhân vật My Ê nhìn từ góc nhìn lý luận nghiên cứu giới</i> .....	97
<b>3.2. Nghệ thuật thể hiện nhân vật liệt nữ My Ê</b> .....	100
3.2.1. <i>Ngoại hình</i> .....	100
3.2.2. <i>Ngôn ngữ</i> .....	104
3.2.3. <i>Tâm lí</i> .....	106
3.2.4. <i>“Mô típ chọn cái chết”</i> .....	108
3.2.5. <i>Hình mẫu My Ê và sự tiếp nối cảm hứng</i> .....	113
<b>Tiểu kết chương 3</b> .....	117
<b>CHƯƠNG 4: NHÂN VẬT HOÀNG ĐẾ</b> .....	118
<b>4.1. Quan niệm về hoàng đế trong bối cảnh văn hóa, xã hội, chính trị thời trung đại</b> .....	119
<b>4.2. Cội nguồn văn hóa của “mô hình” hoàng đế sáng tác văn chương</b> .....	121
4.2.1. <i>Từ quan niệm về văn học</i> .....	121
4.2.2... <i>Đến thực tế sáng tác thơ ca của Hoàng đế Lê Thánh Tông</i> .....	124
<b>4.3. Chân dung tự họa của Hoàng đế Lê Thánh Tông</b> .....	126
4.3.1. <i>Cái nhìn về Đức của hoàng đế Lê Thánh Tông</i> .....	126
4.3.2. <i>Cái nhìn trong tư tưởng đường lối chính trị của hoàng đế Lê Thánh Tông</i> .	135
<b>4.4. Thi pháp thể hiện hình tượng hoàng đế Lê Thánh Tông trong thơ</b> .....	145
4.4.1. <i>Hệ thống ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật biểu đạt những tư tưởng chính trị, quan niệm của Nho giáo</i> .....	145
4.4.2. <i>Hệ thống ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật biểu đạt cho quan niệm về Đức của đế vương</i> .....	149
<b>Tiểu kết chương 4</b> .....	152
<b>KẾT LUẬN</b> .....	154
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b> .....	157
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	158
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐHQGHN:	Đại học quốc gia Hà Nội
ĐHSPHN:	Đại học sư phạm Hà Nội
GD:	Giáo dục
Hà Nội:	H
HĐQATT:	Hồng Đức Quốc Âm thi tập
KHXH:	Khoa học xã hội
NCVH:	Nghiên cứu văn học
NXB:	Nhà xuất bản
TCVH:	Tạp chí văn học
TGTL:	Tổ gia thực lục
tr.:	Trang
VĐUL:	Việt điện u linh
VHTĐ:	Văn học trung đại
VHTĐVN:	Văn học trung đại Việt Nam
VHTT:	Văn hoá - Thông tin
VN:	Việt Nam

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do và mục đích chọn đề tài

1.1. Văn học là nhân học. Con người bao giờ cũng là đối tượng cuối cùng của văn học ngay cả khi nhà văn viết về loài vật hay đề vịnh cây cỏ. Và trong tác phẩm văn học, dù là văn xuôi hay thơ, nhân vật chính là kết tinh của quan niệm về con người của tác giả, của một giai đoạn văn học. Nếu nói nhân vật là phương tiện để khái quát hiện thực thì “văn học không thể thiếu nhân vật. Bởi vì đó là hình thức cơ bản để qua đó văn học miêu tả thế giới một cách hình tượng”. Nhân vật còn là kết quả tương tác giữa chủ thể và khách thể - chủ thể được hiểu là kiểu tác giả với tư tưởng chính trị, đạo đức và quan niệm về thẩm mỹ; khách thể chính là những vấn đề của thời đại lịch sử đặt ra cho con người. Nhưng con người không phải từ trên trời rơi xuống, cũng không phải nhất thành bất biến mà là một thực thể có tính lịch sử, thay đổi qua thời gian. Nghiên cứu vấn đề con người trong văn học trung đại Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung hiện vẫn rất đang là đề tài có ý nghĩa khoa học. Nhân vật thể hiện quan niệm về con người của tác giả. Và quan niệm về con người bao giờ cũng là sản phẩm của một nền văn hóa nhất định. Mỗi dân tộc, mỗi thời đại lịch sử lại có những quan niệm riêng về con người do các quan niệm chính trị, đạo đức, tôn giáo, thẩm mỹ riêng chi phối. Do đó, để nghiên cứu con người trong văn học Việt Nam nói chung, cần tìm hiểu con người trong văn học trung đại. Và để khái quát về con người trong văn học trung đại, cần phải xem xét con người của từng giai đoạn như là chuẩn bị “nền móng” cho sự xây dựng bức tranh chung về con người của cả thời đại văn học này. Tuy rằng văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX nằm trong phạm trù văn học trung đại nhưng giữa các giai đoạn khác nhau, hệ thống nhân vật cũng có những điểm khác nhau. Giai đoạn đầu tiên có một vị trí định hình đặc biệt, báo hiệu đường hướng phát triển của các giai đoạn sau. Đó là lí do đầu tiên thôi thúc chúng tôi lựa chọn đề tài **Hệ thống nhân vật và thi pháp thể hiện chúng trong văn học trung đại Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV**.

1.2. Nghiên cứu con người trong một giai đoạn văn học tuy đã được giới nghiên cứu văn học nước ta quan tâm từ lâu, nhưng nhu cầu nghiên cứu một cách hệ thống hầu như chưa được đặt ra.

Thế nào là nghiên cứu nhân vật một cách hệ thống ? Chúng tôi quan niệm tính hệ thống của các loại kiểu nhân vật chịu sự chi phối của hệ thống vấn đề về con người. Con người trước hết bao giờ cũng mang thuộc tính giới (gender). Thuộc tính giới của con người một mặt có tính bẩm sinh, mang tính sinh học, mặt khác lại được hình thành do văn hóa ứng xử giới của mỗi dân tộc, mỗi thời đại qui định. Điều cần quan tâm đối với con người mang thuộc tính giới là những nhân tố văn hóa xã hội đã chi phối nó như thế nào, cái gì chi phối đến kiểu mẫu người nam và người nữ, trong sáng tác văn học, kiểu nhân vật nhìn từ góc độ giới sẽ là như thế nào. Từ nghiên cứu theo hướng văn hóa ứng xử giới của một thời, chúng ta có thể hiểu được quan niệm thẩm mỹ đạo đức của thời đó trong khi xây dựng nhân vật nam hay nữ. Con người còn là một thực thể mang tính chính trị -giai cấp, bao giờ nó cũng thuộc về một giai cấp, một tầng lớp nào đó trong xã hội, hoặc thuộc tầng lớp thống trị hay bị trị, tầng lớp trên, thượng lưu hay tầng lớp trí thức trung gian, hay thuộc tầng lớp dưới, tầng lớp bị trị, mang một quan điểm chính trị nhất định. Thuộc tính giai cấp của nó được biểu hiện như thế nào trong văn chương ? Trong văn học trung đại, các diễn ngôn chính trị của vua chúa, quan lại đều mang tính giai cấp theo một nghĩa nào đó, cần được nhìn nhận từ góc độ chính trị. Đó là tiếng nói của những người thuộc tầng lớp thống trị, dù bàn về dân hay về chính tầng lớp họ, về bản thân họ thì hình ảnh của họ trong các tác phẩm cũng ít hay nhiều, đậm hay nhạt, phản ánh đường lối, tư tưởng chính trị đạo đức phong kiến. Mẫu người lý tưởng trong môi trường chính trị của mỗi thời đại văn học là gì? Điểm nhìn của mẫu người chính trị chi phối như thế nào đến các phương diện khác của con người này (về giá trị làm người, về quan niệm thẩm mỹ, về bản chất chức năng của văn học...)? Về mặt văn hóa tinh thần, văn hóa tâm linh, con người-đặc biệt con người trong xã hội cổ trung đại, còn là một thực thể chịu ảnh hưởng của tư tưởng triết học – đạo đức của các tôn giáo. Phật giáo, trong đó có Thiên tông, là một tôn giáo. Tuy nói Thiên tông là một khuynh hướng trí tuệ nhưng bản chất tôn giáo, thần bí, siêu hình vẫn là một nét biểu hiện rõ rệt, qua cách tu hành cũng như cách diễn ngôn. Nho giáo tuy có tính duy lý, “tử bất ngữ quái lực loạn thần”, nhưng màu sắc tôn giáo vẫn bộc lộ qua nghi lễ thờ trời, tế nam giao, qua biện luận vua là thiên tử, nhận được thiên mệnh; coi nam nhi, quân tử, anh hùng là “tú

khí” do núi sông chung đúc. Ngoài ra, bất cứ con người thuộc tầng lớp, giai cấp nào, thời đại nào, tôn giáo nào cũng mang một kiểu văn hóa ứng xử như thế nào đó đối với thân xác và tâm lý của bản thân mình. Nhìn con người như thế là nhìn từ góc nhìn nhân học văn hóa mà nghiên cứu là vấn đề văn học quan tâm.

Vì thế mà để nghiên cứu nhân vật của bất kì giai đoạn văn học nào, ít nhất cũng cần phải tiếp cận chúng từ các góc nhìn mang tính hệ thống như vậy.

### 1.3. Nguyên tắc xác định hệ thống nhân vật:

Hệ thống nhân vật trong VHTĐVN giai đoạn X-XV phong phú và đa dạng: nam nhi- quý tộc- vua quan - nhà nho - ẩn sĩ- thiền sư- phụ nữ...Như chúng ta biết, nhân vật chính trong triều đình thời độc lập là các nhà sư. Điều này cũng dễ lí giải bởi đó là thời điểm Phật giáo đang trên đà phát triển, ảnh hưởng của nó trùm khắp xã hội. Và *nhà sư* cũng trở thành “nhân vật” chính trong văn học vài thế kỉ đầu. Nhà sư gồm nhiều kiểu loại theo những tiêu chí khác nhau: Đại sư (Khuông Việt, Mãn Giác), Quốc sư (Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Viên Thông...), Tổ sư (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang), Thiền sư (Vạn Hạnh, Huyền Quang, Viên Chiếu, Mãn Giác, Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ...), Cư sĩ (Thông Su, Ứng Vương), Ni sư (Diệu Nhân).

Các ông vua và vương hầu nhà Trần lại chính là những vị thiền sư thông tuệ nhất: Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông...Trong triều đình, thay thế địa vị của các nhà sư trong buổi đầu là quý tộc, võ tướng. Vai trò của *quý tộc* nhà Trần thực sự nổi bật trong đời sống của đất nước. Trong ba cuộc chiến thắng chống quân Nguyên- Mông, chính họ là những người xứng đáng có công đầu. Vào giai đoạn hưng thịnh của mình, nhà Trần đã có một thế hệ tôn thất quý tộc đầy tài năng và lòng kiêu hãnh, thật sự là bộ phận tinh hoa của đất nước. Họ là những võ tướng tài ba nơi sa trường, là những người quản lí đất nước, là những thi sĩ, học giả đáng kính, là những thiền sư cao đạo. Ở họ có sự dung hòa giữa tinh thần phóng khoáng của giới võ tướng, tính chất thâm trầm nhưng rộng rãi của văn hóa Phật giáo và cả cái gọi là trung liệt của Nho gia. Có thể kể đến những nhân vật như Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn, Trần Ích Tắc, Phạm Ngũ Lão...Đến khi Hồ Quý Ly thôn tính nhà Trần, vai trò lịch sử của giới quý tộc về cơ bản chấm dứt. Phần đông trong số họ cố gắng níu giữ sự mát mát to lớn này nhưng đều đã bị mất hết địa vị chính trị, kinh tế, xã hội và



cuối cùng bị tàn sát hàng loạt. Có một bộ phận rất nhỏ của tầng lớp này lại theo xu hướng khác: về xuất thân, địa vị hiện tại, họ thuộc về tầng lớp quý tộc, nhưng họ lại là những người có trí thức Nho học, suy nghĩ theo kiểu Nho gia. Thấu hiểu thời cuộc và sự trớ trêu của hoàn cảnh cá nhân, con đường tinh táo duy nhất họ có thể lựa chọn lúc đó là đành thoái lui để bảo toàn tính mạng cá nhân và đứng ngoài cuộc chứng kiến gia tộc suy vong. Trần Nguyên Đán là một trường hợp điển hình. Đây cũng là một trong những ngã đường hình thành nhân cách nhà Nho ở Việt Nam. Và bởi vậy “nhân vật” văn học lúc này ngoài *thiên sư, cư sĩ*... còn phải kể đến *quý tộc-thiên sư* (vua quan nhà Trần), *quý tộc-nhà nho* (Phạm Ngũ Lão, Trần Nguyên Đán), *quý tộc-võ tướng* (Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn, Đặng Dung) – kiểu nhân vật *quý tộc-nhà nho, quý tộc-võ tướng* chúng tôi gọi chung là *mẫu hình nhân vật nam nhi đời Trần* và đã có một công trình khảo về nhân vật này đăng trên *Tạp chí khoa học* trường ĐHSP Hà Nội năm 2012, *nhà Nho* (Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh, Phạm Sư Mạnh...).

Đến thế kỉ XV thì niềm tin của các ông vua vào Phật giáo và tăng sư dường như đã giảm rất nhiều, thậm chí Lê Thánh Tông còn chỉ trích, phê phán gay gắt. Không có những đưng độ quyết liệt hay tranh giành âm ỉ, một cách âm thầm và lặng lẽ, các *nhà sư* dần nhường chỗ *cho quý tộc, võ tướng và nho sĩ* trên vũ đài chính trị cũng như trong các sáng tác văn học. Nho sĩ bắt đầu có mặt ở Việt Nam từ thời Bắc thuộc. Hiện không có tài liệu nào để làm sáng tỏ tình hình Nho giáo ở Việt Nam trước thế kỉ X. Đến thời đầu tự chủ, khi giới tăng sư là những tri thức chủ yếu của đất nước thì số lượng nho sĩ có lẽ cũng chưa đáng kể, vì lí do Nho giáo chưa thực sự phát triển và nhà nho cũng chưa có đất dụng võ. Đến thời Lí- Trần, Nho giáo mới thực sự bắt đầu hình thành và bắt rễ vào đời sống xã hội. Tiến trình Nho giáo thay thế Phật giáo cũng như trạng thái “tam giáo tịnh hành” biểu hiện ở sự đông đúc dần lên của nho sĩ cũng như địa vị ngày càng quan trọng của họ trong xã hội. Chúng ta đều biết, Hưng Đạo Vương nuôi trong nhà khá nhiều môn khách trong đó có những người như Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trục... đều do văn chương chương chính sự nổi tiếng với đời. Trần Ích Tắc, một vương hầu nuôi tham vọng đoạt ngôi cũng chiêu mộ khá nhiều nho sinh. Hoặc đời Trần Minh Tông thì đội ngũ nho sĩ trong triều đã khá hùng hậu: “bấy giờ quan ở trong triều như

bọn Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hứ, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, Phạm Ngô, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy..., Trương Hán Siêu, Lê Cự Nhân, nói nhau làm quan, nhân tài đầy rẫy” [75; tr357]. Đây là chưa kể sự xuất hiện của hàng loạt các danh nho như Trương Hán Siêu, Nguyễn Sưởng, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Úc, Nguyễn Trung Ngạn, Chu Văn An, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, Nguyễn Phi Khanh... Sang thế kỉ XV, Nho giáo đã trở thành quốc giáo, giữ địa vị độc tôn thì nho sĩ đã trở thành một lực lượng hùng hậu, chiếm đại đa số trong các hoạt động chính trị, xã hội, văn học. Hai nhà văn vĩ đại của thế kỉ này là Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông đã lựa chọn Nho giáo và thực thi Nho giáo một cách triệt để nhất trong lẽ sống, mục đích sống của mình và dân tộc. Và có thể khẳng định “nhân vật” chính của văn học thế kỉ XV là nhà Nho.

Trong cả một giai đoạn dài như vậy, trước thực tế nhiều kiểu loại nhân vật đa dạng, theo chúng tôi, có hai nguyên tắc cần chú ý khi chọn nhân vật như đối tượng nghiên cứu: *Thứ nhất*, các nhân vật đó cho thấy xu thế vận động của văn học tiến đến trạng thái điển hình của văn học chức năng, văn học chính thống quan phương của nhà nho. Từ ba loại hình nhân vật thiền sư, liệt nữ, hoàng đế mà luận án nghiên cứu chúng ta thấy văn học trung đại Việt Nam giai đoạn X-XV có sự vận động. Nếu Huyền Quang là một thiền sư có yếu tố nho gia vì bản thân ông ta trước khi đi tu đã là một nhà nho, thi đỗ làm quan, hơn nữa bấy giờ tuy Phật giáo là quốc giáo nhưng trên cơ sở tam giáo đồng nguyên; đến My Ê thì đã là một điển ngôn Nho giáo hay chí ít cũng bị Nho giáo hóa; còn Lê Thánh Tông là một hoàng đế - nhà nho một trăm phần trăm. Đây rõ ràng là giai đoạn của văn học nhà nho tiến đến điển phạm hóa. Điều này phản ánh văn hóa Việt Nam chuyển động từ văn hóa đa nguyên (tam giáo) sang văn hóa nhất nguyên (Nho giáo độc tôn), xã hội Việt Nam chuyển từ chế độ quân chủ quý tộc sang quân chủ chuyên chế quan liêu. Như vậy, văn học giai đoạn đầu đi từ tình trạng manh nha, khởi phát đến hình thành điển phạm của văn học chính thống quan phương của nhà nho. *Thứ hai*, các nhân vật đó đại diện cho nhiều nhân vật khác từ các điểm nhìn khác nhau của nhân học văn hóa (con người tâm linh tôn giáo, con người từ góc nhìn giới và con người giai cấp). Nguyên tắc này sẽ giúp cho việc minh định các kiểu nhân vật trở nên sâu sắc, mới mẻ, hấp dẫn góp phần rút ngắn khoảng cách văn học trung đại với con người hiện đại.

Luận án nghiên cứu hệ thống nhân vật từ thế kỉ X đến thế kỉ XV trên hai thể loại lớn là thơ và văn xuôi nhưng do khuôn khổ luận án, cũng là để tránh trùng lặp với những nghiên cứu đã có, với phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study), chúng tôi chỉ lựa chọn ba kiểu nhân vật tiêu biểu cho ba điểm nhìn nhân học văn hóa về con người. Nghiên cứu con người nhìn từ góc nhìn của văn hóa tâm linh trong giai đoạn khi mà Phật giáo còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tư tưởng đạo đức chính trị và văn học thì không thể không quan tâm đến mẫu hình nhà sư, nhà tu hành. Nhà sư là ai, họ tự mình thể hiện mình ra sao và được mọi người nhìn nhận như thế nào qua sáng tác văn học, tại sao giới tu hành thời Lí -Trần lại được cả xã hội sùng kính, từ vua quan đến dân chúng; tinh thần “viên dung” tam giáo được thể hiện trong tư tưởng chính trị, đạo đức thẩm mỹ của kiểu người này như thế nào; tại sao mẫu hình nhà sư trong các giai đoạn văn học sau không còn hấp dẫn đối với giới trí thức sáng tác văn học và nói chung, tại sao mẫu nhà sư lại không được xã hội chuyên chế phong kiến về sau này lựa chọn như nhân vật chính yếu của cả hệ thống chính trị, những câu hỏi đó sẽ được làm sáng tỏ khi chúng ta tìm hiểu họ. Như một nghiên cứu trường hợp, luận án chọn khảo sát nhân vật Huyền Quang qua thơ ông (tự biểu hiện- chân dung tự họa) và qua *Tam Tổ thực lục* (cái nhìn của người khác quan sát, miêu tả - chân dung được họa). Có ý kiến gợi ý nên chọn nghiên cứu Trần Nhân Tông, song nếu chọn ông vua này thì nội dung nghiên cứu có thể sẽ bị trùng lặp nhất định với việc nghiên cứu Lê Thánh Tông. Vì thế chúng tôi đành chọn Huyền Quang.

Về con người nhìn từ quan điểm chính trị -giai cấp, chúng tôi chọn khảo sát kiểu nhân vật tiêu biểu -nhân vật hoàng đế, cụ thể là nhân vật Lê Thánh Tông qua các sáng tác của chính ông và của các tác giả khác cùng thời viết về ông. Đây là nhân vật vốn đã hiện diện trong sử sách và sáng tác văn học rất sớm, từ đời Lí, nhưng phải đến Lê Thánh Tông thì ta mới có được hình mẫu tiêu biểu. Tất nhiên, nói đến con người giai cấp thì phải đề cập đến cả tầng lớp bị trị, dưới đáy xã hội, tuy nhiên, vì các sáng tác trung đại giai đoạn này là sáng tác của tầng lớp trên nên kiểu nhân vật đại diện cho nông dân hầu như rất mờ nhạt, vắng bóng. Về các nhân vật trung gian, thiên về tầng lớp trên như trí thức nho sĩ, nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật thì đã có quá nhiều luận văn các cấp nghiên cứu. Nhân vật hoàng đế tiêu biểu cho một triều đại,

một thể chế chính trị, mang quan điểm đạo đức, nhân cách của giai cấp thống trị, thể hiện đường lối văn hóa chính trị, thể hiện quan điểm chính trị, đạo đức, thẩm mỹ chính thống của một triều đại. Nghiên cứu nhân vật hoàng đế trong văn học trung đại lại chưa được giới nghiên cứu quan tâm đúng mức nên luận án định hướng tìm hiểu nhân vật này. Sự tìm hiểu nhân vật hoàng đế sẽ giúp hình dung không những đường lối chính trị, mô hình nhân cách của người xung là thiên tử, đứng đầu một triều đình phong kiến chuyên chế tập quyền mà cũng có thể góp phần hiểu thực chất quan niệm văn học của giai cấp phong kiến thống trị và đời sống văn học cung đình dưới sự trị vì của nhân vật hoàng đế. Nhân vật hoàng đế như một điển hình nghệ thuật này hiện ra như thế nào trong thơ văn của chính ông ta và của những người khác viết về ông ta, có quan hệ như thế nào với sự nghiệp trị vì của ông ta ? Những tri thức này rất quan trọng để so sánh với quan niệm văn học hay tư tưởng chính trị được phát biểu bởi các tác giả văn học nhân đạo khác trong tư cách là thần dân, nhất là trong giai đoạn xã hội phong kiến suy yếu, khủng hoảng.

Nhân vật nhìn theo quan điểm văn hóa về ứng xử giới tất nhiên cần được khảo sát từ góc độ cả hai giới: giới nam và giới nữ. Tuy nhiên, các vấn đề của nhân vật nam giới, cái nhìn nam giới đã tích hợp trong bản thân hai nhân vật Huyền Quang và Lê Thánh Tông nên chúng tôi chỉ chọn nghiên cứu nhân vật nữ, kiểu nhân vật hiện vẫn ít được chú ý. Lí do chủ yếu có thể là vì nhân vật nữ còn quá hiếm hoi trong những thế kỉ đầu tiên. Xã hội phong kiến xét về văn hóa giới là xã hội nam quyền, phụ quyền, trong đó đàn ông thống trị. Vậy thì ở những thế kỉ văn học đầu tiên ấy, biểu hiện của xã hội nam quyền đã có chưa và nó nhấn mạnh khía cạnh gì trước nhất ở người phụ nữ ? Đó là vấn đề chúng tôi quan tâm trong luận án này. Chúng tôi nhận thấy qua một số nhân vật nữ tuy còn ít ỏi đó, đã quan sát thấy biểu hiện của định hướng xây dựng kiểu người phụ nữ lí tưởng của xã hội nam quyền sẽ còn tiếp tục tồn tại mãi đến thế kỷ XX. Trong luận án này, chúng tôi chọn nghiên cứu kiểu nhân vật người liệt nữ bắt đầu định hình qua trường hợp nhân vật Mỹ Ê và so sánh với một số trường hợp ghi chép trong lịch sử. Kiểu người liệt nữ lấy cái chết để bảo toàn trinh tiết, lòng chung thủy với một người chồng (dù có thực hay là sản phẩm của hư cấu) được xã hội phong kiến tuyên truyền, cổ vũ, được các tác giả trung đại bắt đầu từ giai đoạn văn học này ngâm vịnh, ngợi ca thực sự đã kết tinh tư tưởng nam quyền, phản ánh mục đích giáo huấn của nền văn học

trung đại, hướng đến định hình một khuôn hành vi cần thiết cho phụ nữ phù hợp với yêu cầu của trật tự đạo đức phong kiến. Nhưng lịch sử phát triển văn học thường đồng hành với lịch sử nhận thức về quyền sống của người phụ nữ, với sự ra đời của kiểu nhân vật phụ nữ tự ý thức về quyền sống tự do của mình, vượt khỏi sự trói buộc của đạo đức mà xã hội nam quyền ràng buộc họ. Nghiên cứu kiểu nhân vật này sẽ tạo cơ sở so sánh, hiểu sâu hơn những kiểu nhân vật nữ mang tinh thần nữ quyền chống lại nam quyền, có những nét đặc điểm đối lập đối với người liệt nữ.

## **2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đó là nhân vật Thiền sư Huyền Quang trong thơ thiền và trong *Tam Tổ thực lục*, nhân vật liệt nữ trong *Việt điện u linh*, nhân vật Hoàng đế trong thơ Lê Thánh Tông. Bởi vì trong giai đoạn X-XV, có những kiểu nhân vật vừa chung cho cả văn học trung đại, vừa có sự tồn tại lâu dài (ví dụ nhân vật hoàng đế, liệt nữ); lại có nhân vật đặc thù chỉ cho riêng giai đoạn đầu tiên như nhân vật thiền sư. Tìm hiểu chúng sẽ xác định được tính chất nền móng của giai đoạn văn học này đối với toàn bộ văn học trung đại, đồng thời thấy sự phát triển tiếp theo của giai đoạn văn học sau.

### **2.2. Phạm vi nghiên cứu**

#### **2.2.1. Phạm vi văn bản**

- Về số lượng tác phẩm luận án lựa chọn nghiên cứu: đối với Lê Thánh Tông luận án không đặt nhiệm vụ nghiên cứu toàn bộ sự nghiệp văn học của ông cũng như những sáng tác của người khác viết về ông mà chỉ khảo sát những sáng tác thơ ca của Lê Thánh Tông (cả chữ Nôm và chữ Hán) với 250 bài vì mục đích của luận án là phân tích chân dung tự họa của hoàng đế qua chính sáng tác thơ ca của ông. Đối với thiền sư Huyền Quang, luận án khảo truyện *Tổ gia thực lục* trong *Tam Tổ thực lục* và phần thơ-kệ của chính nhà sư. Dĩ nhiên khi cần luận án vẫn so sánh với những tác phẩm viết về thiền sư khác như *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Thiền uyển tập anh* hay thơ Thiền của những tác giả khác thời Lí-Trần. Đối với liệt nữ, luận án khảo sát văn bản chính là *Việt điện u linh* của Lí Tế Xuyên. Các thông tin để so sánh từ văn bản cùng thời và khác thời cũng được tham khảo như *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Nam Ông mộng lục*, *Đại Nam thực lục*, *Tang thương ngẫu lục*...

- Về mặt tư liệu: Chúng tôi không đi vào khảo cứu, giám định văn bản mà chỉ thừa hưởng những thành quả của người đi trước. Cụ thể chúng tôi lựa chọn đối tượng nghiên cứu là các văn bản đã được tuyển chọn trong các bộ sách Tiếng Việt. Cụ thể là 17 bộ sách mà chúng tôi đã đưa vào trong Danh mục **Tài liệu tham khảo** [4, 5, 6, 14, 13, 15, 24, 41, 46, 50, 52, 53, 61, 62, 69, 83, 85].

### 2.2.2. Phạm vi nội dung

Trên thực tiễn VHTĐVN giai đoạn X-XV còn có nhiều hơn ba kiểu nhân vật mà chúng tôi đã lựa chọn là Hoàng đế (qua trường hợp “nhân vật” Hoàng đế Lê Thánh Tông), Thiền sư (qua trường hợp nhân vật Huyền Quang), Liệt nữ (qua trường hợp nhân vật My Ê trong *Việt điện u linh*). Các kiểu nhân vật nam nhi, anh hùng, võ tướng, quý tộc, nhà nho, ẩn sĩ, thiền sư (trong thơ thiền và *Thiền uyển tập anh*)... đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu của các nhà nghiên cứu đi trước như Trần Đình Hượu, Trần Ngọc Vương, Trần Nho Thìn, Lã Nhâm Thìn, Nguyễn Phạm Hùng, Nguyễn Hữu Sơn, Đoàn Thị Thu Vân, Lê Văn Tấn... nên chúng tôi xem ba kiểu nhân vật trên là giới hạn của đề tài nghiên cứu. Hơn nữa vận dụng những kiến thức liên ngành, đa ngành chúng tôi muốn đem đến một sự đổi mới trong cách tiếp cận văn học trung đại và những đối tượng nghiên cứu ấy phù hợp với mục đích mà luận án đặt ra.

## 3. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của luận án

### 3.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu ba kiểu nhân vật tiêu biểu cho hệ thống nhân vật trong VHTĐVN từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XV và thi pháp thể hiện trên hai thể loại lớn: thơ và văn xuôi. Cũng phải nói là có nhiều quan niệm phân kì văn học nhưng chúng tôi chọn khung phân kỳ truyền thống: theo cách này chia văn học trung đại làm 4 giai đoạn mà đây là giai đoạn thứ nhất. Về khung thời gian phân kì, chúng tôi chọn cách phân kì gần đây nhất của Bùi Duy Tân trong *Hợp tuyển VHTĐVN, tập 1*: từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XV (NXBGD, H- 2004) với nét nổi bật là thời kì đang lên của chế độ phong kiến Việt Nam. (Trước đây nhóm tác giả Đinh Gia Khánh, Mai Cao Chương, Bùi Duy Tân chọn khung thời gian từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XV).

- Phân tích thi pháp thể hiện hay nghệ thuật thể hiện nhân vật trong các thể loại tiêu biểu là việc làm có tính đến sự khác biệt về thể loại tất nhiên có hàm ý phân tích cả

thi pháp thể loại xét trong tương quan thể hiện nhân vật. Nói cách khác mỗi thể loại có đặc trưng riêng nên khi nghiên cứu nhân vật sẽ khai thác ở những đặc trưng riêng ấy. Thơ trữ tình xây dựng cái tôi trữ tình (nhân vật trữ tình); văn xuôi có cốt truyện kể nên các nhân vật có hành động, chân dung, tâm lí hay tính cách ở mức độ nhất định.

### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án giải quyết đề tài từ góc độ nhân vật và thi pháp nhân vật trong VHTĐVN giai đoạn X-XV nên chúng tôi sử dụng kết hợp nhiều phương pháp. Trong đó có các phương pháp chủ yếu sau:

- Phương pháp tiếp cận văn hoá học
- Phương pháp thi pháp học
- Phương pháp loại hình học
- Phương pháp xã hội học
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Trong những phương pháp trên có nhiều phương pháp nghiên cứu đã quá quen thuộc đối với nghiên cứu văn học nói riêng và các ngành khoa học nói chung thì thiết nghĩ chúng ta có thể mặc nhiên sử dụng như những công cụ để phục vụ cho mục đích nghiên cứu của mình như phương pháp xã hội học, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích- tổng hợp, phương pháp nghiên cứu trường hợp. Ở đây, luận án chỉ trình bày một cách vắn tắt về hai phương pháp mới được sử dụng nhiều nhất là phương pháp tiếp cận văn hóa học, phương pháp loại hình học (riêng phương pháp thi pháp học, cụ thể là thi pháp nhân vật sẽ được trình bày ở phần giới thuyết về các khái niệm nghiên cứu nên ở đây chúng tôi không bàn đến nữa – xem mục **1.2.4. Khái niệm thi pháp và thi pháp học**, trang 34-35)

**Phương pháp tiếp cận văn hóa học:** Vận dụng phương pháp này các nhân vật sẽ được soi chiếu từ điểm nhìn nhân học văn hoá. Từ đó nhân vật văn học sẽ được chúng tôi xét theo các phương diện của con người thời trung đại như quan niệm về *thân, tâm*; trong các quan hệ cá nhân, cộng đồng. Ngoài ra, chúng tôi còn vận dụng

phương pháp tiếp cận văn hoá học để giải mã hình tượng các nhân vật như Đê vương, thiên sư, liệt nữ, tìm ra nền tảng văn hóa lịch sử của chúng. Chẳng hạn, trong xã hội Việt Nam truyền thống (chúng tôi nói đến xã hội người Kinh chịu ảnh hưởng Nho giáo chứ không bàn đến xã hội của các tộc người ít hay không chịu ảnh hưởng Nho giáo) nếu xét từ quan điểm giới là xã hội nam quyền, một kiểu xã hội trong đó, các chuẩn mực đạo đức của người nữ do người nam áp đặt (ví dụ chỉ có người phụ nữ phải giữ gìn trinh tiết, chỉ được phép lấy một chồng, chồng chết là phải chết theo chồng, còn người nam lại không bị hạn chế, không bị ràng buộc bởi phạm trù này, người nam có quyền chủ động hơn người nữ trong tình yêu, hôn nhân trong khi người nữ phải đóng vai trò bị động). Quan điểm văn hoá này đã chi phối đến cách xây dựng người liệt nữ trong *VDUL* của Lí Tế Xuyên. Hay trong xã hội quân chủ chuyên chế thế kỉ X-XV, xét từ góc nhìn chính trị-xã hội Đê vương là người có quyền lực tối cao, là người có quyền và được quyền gây ra rất nhiều những bất công, tội ác đối với nhân dân và cả những trung thần nghĩa sĩ..., điều đó đã dẫn đến xung đột giữa nhân cách cao thượng của nhà nho với thể chế độc quyền đó. Quan điểm này chúng ta có thể thấy rõ trong cách thể hiện con người ản sĩ trong thơ Chu Văn An, Trần Nguyên Đán và đặc biệt là Nguyễn Trãi...

**Phương pháp loại hình học:** Lối tiếp cận loại hình học cho phép chúng tôi đi từ cái chung, tổng quát (loại hình- thiên sư, liệt nữ, hoàng đế) đến cái riêng, cụ thể (nhân vật – Huyền Quang, Mỵ Ê, Lê Thánh Tông). Đây là con đường ngắn nhất của nhận thức.

#### **4. Đóng góp mới của Luận án**

**4.1. Nghiên cứu ba kiểu nhân vật Thiên sư, Liệt nữ, Hoàng đế theo điểm nhìn nhân học văn hóa**

**4.2. Nghiên cứu sâu thi pháp tả ba kiểu nhân vật Thiên sư, Liệt nữ, Hoàng đế**

#### **5. Kết cấu của Luận án**

Luận án gồm 178 trang. Ngoài phần *Mục Lục* (02 trang), *Danh mục các chữ viết tắt* (01 trang) *Danh mục Công Trình Khoa Học của tác giả có liên quan đến luận án* (01 trang), *Tài liệu tham khảo* (12 trang, từ trang 158 đến trang 169), *Phụ lục* (09 trang, từ trang 170 đến trang 178); phần chính văn Luận án gồm 153 trang được trình bày như sau:



*Mở đầu:* (12 trang, từ tr.04 đến tr.15)

*Chương 1:* **Tổng Quan về vấn đề nghiên cứu** (25 trang, từ tr.16 đến tr.40)

*Chương 2:* **Nhân vật Thiền Sư** (46 trang, từ tr.41 đến tr.86)

*Chương 3:* **Nhân vật Liệt nữ** (31 trang, từ tr.87 đến tr.117)

*Chương 4:* **Nhân vật Hoàng đế** (36 trang, từ tr.118 đến tr.153)

*Kết luận:* (03 trang, từ tr.154 đến tr.156)

Phần Nội dung chính của Luận án được trình bày trong ba chương (2, 3, 4) tương ứng với ba kiểu nhân vật luận án lựa chọn là Thiền sư, Liệt nữ, Hoàng đế. Việc sắp xếp thứ tự các chương cho sự xuất hiện của từng nhân vật cũng hàm chứa ngụ ý thể hiện về *sự vận động, biến chuyển, thay đổi của bản thân tiến trình văn học* mấy thế kỉ đầu. Trước hết phải nói về Thiền sư vì từ thời Bắc thuộc, loại Thiền sư đã có mặt, và Thiền sư xuất hiện sớm nhất trong văn học những thế kỉ đầu nhưng rồi với sự hưng thịnh của Nho giáo, nhân vật thiền sư dần mờ nhạt. Chương về nhân vật liệt nữ xếp sau Thiền sư vì tuy My Ê là nhân vật văn học đời Lý (thế kỉ XI) nhưng là nhân vật được Nho giáo hóa, văn bản hóa muộn hơn (được ghi lại trong sách đời Trần- thế kỉ XIV). Chương về Hoàng đế đặt ở vị trí cuối cùng vì Lê Thánh Tông là “nhân vật” của nửa cuối thế kỉ XV. Các ông vua Việt Nam trong quá trình hình thành của lịch sử dựng nước và giữ nước đã dần dần nhận ra tầm quan trọng của văn học đối với công cuộc trị nước, sự nghiệp chính trị; các nhà nho cũng dần dần hình dung mừng tượng về những chuẩn mực đạo đức – chính trị mà một ông vua cần có.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Tổng quan về lịch sử vấn đề nghiên cứu

Xuất phát từ thực tế nghiên cứu VHTĐVN giai đoạn thế kỉ X- XV về vấn đề nhân vật và thi pháp nhân vật, chúng tôi đi vào tìm hiểu những công trình, những tư liệu nghiên cứu có liên quan đến đề tài Luận án theo các hướng sau:

##### **1.1.1. Lịch sử nghiên cứu về ba loại nhân vật Thiền sư, Liệt nữ, Hoàng đế trong văn học giai đoạn X-XV**

###### **1.1.1.1. Về nhân vật thiền sư**

###### **Những nghiên cứu về nhân vật thiền sư trong thơ thiền Lí-Trần:**

Sự sáng tạo thơ thiền bắt đầu từ thế kỉ X, kéo dài đến hết thế kỉ XIX. Nhưng thơ thiền phát triển rực rỡ nhất trong thời kì Lí- Trần (thế kỉ XI- XIV). Công tác sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu mảng thơ này được tiến hành từ thế kỉ XV đến nay.

Số phận của thơ thiền cũng khá long đong. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, việc tiếp cận thơ thiền ở nước ta dường như bị hạn chế đặc biệt ở Miền Bắc. Ở Miền Nam, do không khí xã hội, chính trị khiến cho sách vở nghiên cứu giới thiệu về Phật giáo nở rộ. Tuy nhiên thơ thiền vẫn chưa được giới thiệu hệ thống thành một loại hình văn học riêng mà các nhà nghiên cứu Phật giáo và văn học Phật giáo tên tuổi như Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Lang, Nguyễn Duy Hình, Phương Bôi, Thanh Sơn, Thích Mãn Giác... chủ yếu đi vào tìm hiểu nội dung triết học của thơ thiền chứ không nhìn nhận nó như một tác phẩm văn học. Bởi thế “nhân vật” càng chưa được bàn đến.

Sau giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, nhất là sau thời đổi mới, Phật giáo được nhìn nhận khách quan và công bằng hơn, văn học nghệ thuật bắt đầu được chú ý khai thác, tìm hiểu sâu hơn. Những tiểu luận khoa học, nhiều công trình nghiên cứu, dịch thuật, giới thiệu về thơ thiền, về các tác giả thơ thiền lần lượt ra đời. Trong các công trình nghiên cứu về lịch sử văn học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như *Tạp chí văn học*, *Tạp chí văn hóa dân gian*, *Nghiên cứu nghệ thuật*, *Tạp chí Hán Nôm*, *Phật học*, *Tôn giáo*... đã có sự quan tâm nhất định tới thơ thiền. Nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Phật giáo ra đời. Các từ điển Phật học được biên soạn và tái bản. Các tuyển tập văn học trong đó có nhiều thơ thiền được trích tuyển (Bộ *Thơ văn Lí- Trần* đã giới thiệu hầu hết các tác giả thơ thiền tiêu biểu). Có thể kể đến một số công trình, bài viết đánh giá chung về thơ thiền đời Lí- Trần về các mặt như quan niệm triết lí Phật giáo, thái độ tích cực lạc quan, chất trữ tình, tính trực giác...:

- *VHVN từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV*- Bùi Văn Nguyên (*Lịch sử VHVN, tập 2*. NXBGD, H- 1978)

- *Văn học đời Lí và những truyền thống dân tộc*- Đinh Gia Khánh (*VHVN từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII*, tập 1. NXBGD ĐH&CN, H- 1978).

- *Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học*- Đặng Thai Mai (*Thơ văn Lí-Trần*, tập 1. NXBKHXH, H- 1977).

- *Chất trữ tình trong thơ thiền đời Lý*- Phạm Ngọc Lan (TCVH, số 4- 1986).

- *Thơ thiền và việc lĩnh hội thơ thiền đời Lý*- Nguyễn Phạm Hùng (TCVH, Số 4- 1992)..

Như vậy, với việc được sưu tầm, giới thiệu rộng rãi thơ thiền bắt đầu được xem xét như là một đối tượng thẩm mỹ, một loại hình nghệ thuật độc đáo, có quá trình mã hóa và giải mã riêng. Và từ đây việc tìm hiểu về tư tưởng nghệ thuật, ngôn từ nghệ thuật, về quan niệm con người... trong thơ thiền đã được các nhà nghiên cứu quan tâm. Nói riêng về vấn đề nhân vật, phân tích nhân vật tuy chưa có một công trình, bài viết chuyên sâu nhưng không phải không có hướng nghiên cứu liên quan. Chẳng hạn, Đoàn Thị Thu Vân trong khi *Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ thiền Việt Nam thế kỉ X- XIV* (Luận án Tiến sĩ, 1995) như về ngôn ngữ thơ thiền, không gian, thời gian trong thơ thiền... cũng đã đề cập đến “hình tượng con người” thơ thiền với những đặc điểm như con người tự do, con người vô ý, con người vô ngôn... Sâu hơn, tác giả Quang Thảo đi tìm *Chân dung con người trong thơ thiền Lí- Trần* (2007) và nhận ra rằng đó là con người với phật tính thường hữu trong tâm, con người vô ngã và sống trọn vẹn với tinh thần đời đạo không hai. Đinh Gia Khánh trong *Văn học đời Lí và những truyền thống của dân tộc* đã đặt vấn đề khái quát: “nói về con người văn học Thiền tông thường muốn khẳng định bản lĩnh của nhà tu hành. Những điều mà tác giả nêu lên về bản lĩnh ấy có ý nghĩa gì đối với việc xây dựng nhân phẩm?” [64; tr.57]. Nguyễn Hữu Sơn khi đặt vấn đề *Con đường trở lại với thiên nhiên và đời sống qua các bài kệ* (2002) đã đặc biệt quan tâm đến cái Tâm đạt đạo của con người thiền sư: “ngoài xu thế tu chứng, giải thoát bằng tâm thể hướng về thiên nhiên để lòng thanh thản hòa hợp với rừng suối, cỏ nội mây ngàn, trăng thanh gió mát, một tiếng chim ban mai, một hương cúc mùa thu, một sắc hoa nở sớm... thì chính các thiền sư lại đạt đạo ngay trong cuộc sống thường ngày... Về hình thức, điều này có vẻ như trái ngược song kì thực lại chứng tỏ cái tâm được giải thoát đó đã khắc phục, vượt lên mọi chướng ngại, làm chủ được thân tâm và hoàn cảnh” [111; tr.191-192].

Văn học Lí- Trần để lại hàng trăm bài thơ thiền trong đó có nhiều đạt đến giá trị nghệ thuật và tư tưởng cao. Chính bởi vậy, khi nghiên cứu thơ thiền, hướng khai thác về tác giả, tác phẩm cũng là hướng thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu từ trước đến nay. Có thể nhắc đến những trường hợp cụ thể như: Nguyễn Huệ Chi: “Mãn Giác và bài thơ thiền nổi tiếng của ông” (Tập chí văn học, số 5/1987), “Trần Tung - một gương mặt lạ trong làng thơ thiền Lí - Trần” (Tập chí văn học, số 4/1977); Nguyễn Phương Chi: “Huyền Quang- nhà sư thi sĩ” (Tập chí văn học, Số 3 /1982); Minh Chi: “Thơ Huyền Quang” (Thiền học đời Trần, Viện Văn học, Hà Nội, 1992); Thích Phước An: “Thiền sư Huyền Quang và con đường thâm lặng của mùa thu” (Tập chí văn học, số 4/1992); Nguyễn Phạm Hùng: “Đương Không Lộ - thiền sư – thi sĩ” (Nghiên cứu Phật học, số 4 và 5/1996); Nguyễn Khắc Phi: “Quanh nguồn tư liệu liên quan đến bài “Ngôn hoài” của Không Lộ Thiền sư” (TCVH, số 12/1996); Nguyễn Đăng Na: “Con đường tuệ giải bài kệ gọi là “Ngôn hoài” của Không Lộ Thiền sư” (TCVH, số 7/2002); Nguyễn Hữu Sơn: “Nguyễn Vạn Hạnh: nhà chính trị- thiền sư- thi sĩ” và “Tác gia hoàng đế - thiền sư- thi sĩ Trần Nhân Tông” (NCVH, số 12/2008); Nguyễn Kim Sơn: “Cội nguồn triết học của tinh thần thiền nhập thế Trần Nhân Tông”

([http://khoavanhoc.edu.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=243:trannhantong&catid=85:trit-hc-m-hc-vn-hoa-hc&Itemid=256](http://khoavanhoc.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=243:trannhantong&catid=85:trit-hc-m-hc-vn-hoa-hc&Itemid=256)). Ngoài ra còn có thể kể đến bài viết của những tác giả như: Đoàn Thị Thu Vân, Đỗ Văn Hỷ, Hà Văn Tấn, Tầm Vu, Trần Nghĩa. . .

Trong những bài viết trên, chúng tôi nhận thấy ở từng phương diện cụ thể như về tác giả Thiền sư – thi sĩ, Thiền sư – nhà tư tưởng, Thiền sư – hoàng đế. . . hay giá trị tác phẩm thơ ở tư cách lịch sử, văn hóa dân gian, ý nghĩa nhân văn, đặc trưng thể loại, cảm hứng nhân sinh trong mối liên hệ xa gần với thiên nhiên, đất nước, con người. . . đã có nhiều trang phân tích, đúc kết sâu sắc. Ngay trong việc lý giải ở từng khái niệm, từng câu chữ trong văn bản liên quan tới triết lý tư tưởng Phật giáo cũng đã được xem xét kỹ lưỡng. Chỉ một cụm từ “ trường khiếu nhất thanh” trong câu kết của bài “Ngôn hoài” thôi cũng đã tốn bao giấy mực của các nhà nghiên cứu. Người thì cho rằng đó là “kêu dài một tiếng”; có người lại lập luận đó là “tiếng cười” theo kiểu “Lý Ngao làm thơ về tiếng cười của Duy Nghiễm, không lẽ làm thơ về tiếng cười của mình” (Nguyễn Phạm Hùng); và có người thì hiểu “tất cả các quả chuông nhất tề vang lên. . .” (Nguyễn Đăng Na). Hướng nghiên cứu này giúp đi sâu vào tác giả, tác phẩm nhằm phát hiện ra những nét độc đáo về tư tưởng, phong cách nghệ thuật. Ở đây tuy các nhà nghiên cứu không trực tiếp phân tích “nhân vật” nhưng khi tiếp cận về tác giả, tác phẩm họ cũng đã chỉ ra được bản chất của con người Thiền Sư về thế giới tâm hồn, bản lĩnh, nhân cách. . .